TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 240 / 2022 /DS-ST
Ngày : 15 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Lý Ngọc Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh**.**

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S1
Địa chỉ: L8, đường NKKN, Phường T, Quận B, TP. H;
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thụy Q, sinh năm 1971;
(Giấy ủy quyền số 112/2020/GUQ-CNTĐ ngày 15/6/2020);
Địa chỉ: đường H, Phường S, Quận A, TP. H.
(vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Thái Võ Hoàng S, sinh năm 1981
Địa chỉ: đường P, Phường H, Quận T, TP. H.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 – Người đại diện theo ủy quyền Ông Ngô Thụy Q trình bày:

Vào ngày 17/3/2017, Ông Thái Võ Hoàng S có ký với Ngân hàng TMCP S1 hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức cấp tín dụng là **25.000.000** đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông Thái Võ Hoàng S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 44.341.780 đồng. Đồng thời, ông S cũng đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền cụ thể là 43.192.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, không thanh toán tiếp cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Ngân hàng đã Thông báo chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông S và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 21/4/2022 Ông Thái Võ Hoàng S còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

+ Nợ gốc: 24.023.487 đồng;
+ Lãi quá hạn: 25.225.263 đồng;
Tổng cộng số tiền là: 49.248.750 đồng.

Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Yêu cầu buộc Ông Thái Võ Hoàng S trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền là 49.248.750 đồng (tính đến ngày 21/4/2022).

2/ Yêu cầu Ông Thái Võ Hoàng S thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh từ sau ngày 21/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn Ông Thái Võ Hoàng S không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay không rõ ở đâu. Tòa án đã tiến hành tống đạt niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Ngô Thụy Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do Ông Thái Võ Hoàng S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, vi phạm Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và vi phạm Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/3/2017, Ông Thái Võ Hoàng S cung cấp cho Ngân hàng địa chỉ thường trú của ông ở địa chỉ đường P, Phường H, Quận T, TP. H. Theo kết quả xác minh tại Công an Phường 2, Quận 8 thì Ông Thái Võ Hoàng S có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng nhà đã bán, cả hộ chuyển về địa chỉ đường P, phường Đ, Quận B. Kết quả trả lời xác minh của Công an phường Đ, Quận B như sau: Ông Thái Võ Hoàng S không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ đường P, phường Đ, Quận B, TP.HCM, đương sự không thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Bị đơn Ông Thái Võ Hoàng S không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện nên căn cứ điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Do bị đơn Ông Thái Võ Hoàng S cư trú tại Quận 8 nên theo qui định của các Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Ngô Thụy Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn Ông Thái Võ Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, ông S theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp như: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), tóm tắt sao kê đối với khách hàng Ông Thái Võ Hoàng S và lời trình bày xác nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; đã có đủ cơ sở xác định Ông Thái Võ Hoàng S vay Ngân hàng TMCP S1 số tiền 25.000.000 đồng và được Ngân hàng phê duyệt cấp tín dụng vào ngày 17/3/2017, mục đích tiêu dùng cá nhân; phương thức

cho vay: Việc cho vay được thực hiện bằng phương thức cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ tín dụng quốc tế Sacombank MasterCard.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông Thái Võ Hoàng S đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 44.341.780 đồng và cũng có thanh toán vốn gốc, lãi cho Ngân hàng với số tiền cụ thể là 43.192.000 đồng. Sau đó khách hàng Ông Thái Võ Hoàng S không thanh toán tiếp cho Ngân hàng như đã thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng.

Xét, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng của Ông Thái Võ Hoàng S với Ngân hàng TMCP S1, các bên tham gia ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được xem là hợp pháp làm phát sinh hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Thái Võ Hoàng S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được các bên thỏa thuận ký kết theo Hợp đồng, đồng thời vi phạm Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Ông Thái Võ Hoàng S có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 với tổng số tiền là 49.248.750 đồng (tính đến ngày 21/4/2022).

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Thái Võ Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1.

+ Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm e Khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Các Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1:

Buộc Ông Thái Võ Hoàng S thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền là 49.248.750 (Bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng tính đến ngày 21/4/2022 (trong đó, vốn gốc: 24.023.487 đồng; lãi quá hạn: 25.225.263 đồng).

Kể từ ngày 22/4/2022 Ông Thái Võ Hoàng S tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S1 với Ông Thái Võ Hoàng S cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thái Võ Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.462.438 (hai triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi tám) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 690.000 đồng (sáu trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0043884 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA Dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu Hiệp